SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 19/12/2023 11:05:15

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3089 /QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 19 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp"

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4462/TB-HĐTĐ ngày 15/11/2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp";

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 11/HTQT-MT ngày 26/11/2023 của Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4965/TTr-STNMT ngày 12/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Quảng Trị (sau đây gọi là Chủ Dự án) có vị trí tại phường 3 và phường Đông Lương, thành phố Đông Hà với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND thành phố Đông Hà và Chủ tịch UBND các phường: Phường 3, Đông Lương, Giám đốc Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Sỹ Đồng

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

"Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp"

(Kèm theo Quyết định số: 3089 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp.

- Địa điểm thực hiện: Nằm trên địa bàn phường 3 và phường Đông Lương, thành phố Đông Hà.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH MTV Hưng Thịnh Quảng Trị.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi: Dự án Nạo vét bồi lấp, khơi thông dòng chảy sông Vĩnh Phước đoạn qua địa bàn thành phố Đông Hà, kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp có tổng diện tích 24.741,5m^2 thuộc phường 3 và phường Đông Lương thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Vị trí nạo vét của Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí thực hiện Dự án

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0 15'$, múi chiếu 3^0		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0 15'$, múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
Diện tích khu vực 01: 1.186 m^2 (gồm 11 điểm góc khép kín)					
1	1852788	585543	7	1852860	585569
2	1852796	585541	8	1852842	585570
3	1852811	585543	9	1852823	585570
4	1852824	585546	10	1852811	585568
5	1852835	585553	11	1852795	585558
6	1852848	585559			
Diện tích khu vực 02: 1.184,5 m^2 (gồm 24 điểm góc khép kín)					
1	1852921	585974	13	1852949	586085
2	1852920	585978	14	1852956	586092
3	1852915	585992	15	1852972	586100
4	1852913	586003	16	1852973	586105
5	1852914	586013	17	1852966	586106
6	1852914	586024	18	1852951	586097
7	1852911	586030	19	1852938	586085
8	1852913	586037	20	1852922	586069
9	1852919	586048	21	1852912	586047

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0 15'$, múi chiếu 3^0		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0 15'$, múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
10	1852925	586057	22	1852906	586027
11	1852931	586066	23	1852904	586004
12	1852939	586075	24	1852914	585969
Diện tích khu vực 03: 5.690 m^2 (gồm 21 điểm góc khép kín)					
1	1853054	586251	12	1853020	586405
2	1853045	586282	13	1853013	586381
3	1853024	586316	14	1853003	586358
4	1853033	586343	15	1852986	586342
5	1853033	586360	16	1852986	586328
6	1853041	586390	17	1852987	586313
7	1853056	586407	18	1853008	586288
8	1853062	586412	19	1853013	586271
9	1853054	586420	20	1853027	586257
10	1853046	586423	21	1853044	586251
11	1853030	586420			
Diện tích khu vực 04: 2.249 m^2 (gồm 24 điểm góc khép kín)					
1	1853131	586503	13	1853232	586416
2	1853147	586496	14	1853245	586409
3	1853155	586490	15	1853247	586415
4	1853161	586483	16	1853244	586424
5	1853167	586477	17	1853237	586437
6	1853177	586474	18	1853230	586446
7	1853186	586470	19	1853216	586461
8	1853197	586462	20	1853206	586474
9	1853205	586454	21	1853198	586487
10	1853216	586443	22	1853191	586499
11	1853220	586436	23	1853177	586502
12	1853227	586425	24	1853158	586501
Diện tích khu vực 05: 1.235,5 m^2 (gồm 23 điểm góc khép kín)					
1	1853410	586450	13	1853521	586447
2	1853413	586449	14	1853526	586452
3	1853414	586452	15	1853507	586456
4	1853421	586455	16	1853498	586462
5	1853430	586457	17	1853482	586463
6	1853446	586460	18	1853467	586461
7	1853456	586462	19	1853458	586466

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0 15'$, múi chiếu 3^0		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT $106^0 15'$, múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
8	1853462	586461	20	1853446	586475
9	1853469	586455	21	1853428	586476
10	1853481	586453	22	1853416	586472
11	1853496	586455	23	1853404	586464
12	1853505	586453			
Diện tích khu vực 06: 4.043 m^2 (gồm 29 điểm góc khép kín)					
1	1853753	586652	16	1853885	586614
2	1853759	586650	17	1853882	586647
3	1853769	586656	18	1853879	586657
4	1853770	586647	19	1853865	586663
5	1853773	586647	20	1853852	586675
6	1853773	586649	21	1853837	586686
7	1853777	586652	22	1853819	586694
8	1853783	586658	23	1853809	586700
9	1853788	586664	24	1853798	586711
10	1853799	586667	25	1853786	586706
11	1853811	586667	26	1853776	586702
12	1853826	586669	27	1853765	586692
13	1853838	586664	28	1853758	586677
14	1853853	586655	29	1853754	586665
15	1853865	586642			
Diện tích khu vực 07: 1.540 m^2 (gồm 14 điểm góc khép kín)					
1	1853971	586545	8	1854075	586529
2	1853975	586538	9	1854077	586537
3	1853981	586532	10	1854076	586536
4	1854011	586520	11	1854055	586527
5	1854032	586512	12	1854034	586526
6	1854046	586509	13	1853999	586540
7	1854061	586512	14	1853979	586550
Diện tích khu vực 08: 1.991,5 m^2 (gồm 21 điểm góc khép kín)					
1	1854193	586672	12	1854266	586754
2	1854195	586671	13	1854260	586759
3	1854197	586673	14	1854246	586756
4	1854205	586689	15	1854236	586752
5	1854210	586695	16	1854223	586749
6	1854217	586700	17	1854213	586740

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106^{0}15', múi chiếu 3^0		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106^{0}15', múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
7	1854222	586712	18	1854202	586723
8	1854227	586720	19	1854199	586713
9	1854232	586728	20	1854192	586697
10	1854245	586738	21	1854190	586684
11	1854264	586750			
Diện tích khu vực 09: 2.143 m^2 (gồm 17 điểm góc khép kín)					
1	1854280	587092	10	1854412	587083
2	1854284	587087	11	1854402	587091
3	1854297	587085	12	1854382	587103
4	1854306	587083	13	1854365	587108
5	1854317	587095	14	1854349	587109
6	1854336	587096	15	1854326	587111
7	1854372	587084	16	1854306	587109
8	1854379	587082	17	1854291	587098
9	1854403	587080			
Diện tích khu vực 10: 3.479 m^2 (gồm 17 điểm góc khép kín)					
1	1854250	587540	10	1854418	587570
2	1854258	587543	11	1854400	587581
3	1854270	587560	12	1854380	587590
4	1854294	587569	13	1854356	587592
5	1854325	587571	14	1854325	587586
6	1854353	587567	15	1854288	587583
7	1854378	587561	16	1854266	587575
8	1854410	587551	17	1854254	587557
9	1854421	587554			

- Công suất nạo vét: 11.689 m^3/năm.

- Khối lượng nạo vét 35.068 m^3 (trong đó khối lượng thanh thải chiếm 7,47% tương đương 2.620 m^3; khối lượng thu hồi 32.448 m^3).

- Thời gian nạo vét: 3 năm (06 tháng/năm).

1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

- Công nghệ của Dự án là áp dụng phương pháp nạo vét đơn giản, sử dụng máy xúc gàu loại 1,25 m^3, xúc sản phẩm sau nạo vét lên thuyền (ghe) vận chuyển đến bãi tập kết sau đó đưa lên ô tô vận chuyển đến khu vực cần san lấp.

- Sơ đồ quy trình:

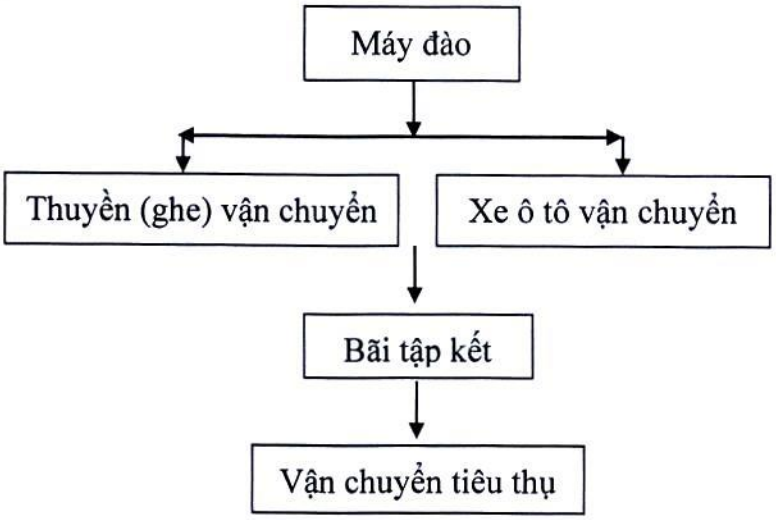

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình nạo vét

- Độ sâu khai đào bình quân từ 0,53-2,44m, áp dụng hệ số an toàn sạt lỡ mái đào theo TCVN 4447: 2012 Quy phạm thiết kế thi công và nghiệm thu công tác đất và công trình bằng đất áp dụng chất đất bằng cát và cuội với chiều sâu <=3m thì hệ số mái m=1, góc nghiêng 45^0, để đảm bảo hệ số an toàn khi thi công chọn m=2.

- Đáy phạm vi khai đào khi kết thúc là mặt phẳng theo cao trình thiết kế phân vùng trên cơ sở số liệu khoan tầng địa chất, chỉ nạo đến cao trình mặt suối tự nhiên vì vậy không tạo ra các hố sâu cũng như dòng xoáy cục bộ. Khi khai đào bằng máy cơ giới sẽ san gạt mặt bằng, tạo độ dốc vùng nạo vét theo đúng hiện trạng lòng sông đã có.

- Các thông số nạo vét:

Bảng 1.2. Các thông số nạo vét

Vị trí nạo vét	Diện tích	Khối lượng (m^3)	Chiều sâu nạo vét (m)	Cao trình nạo vét
1	1.186,0	1.318,3	1,32	+0,23
2	1.184,5	2.524,4	1,44	+0,50
3	5.690,0	6.914,5	1,42	+0,50
4	2.249,0	3.175,8	1,62	+0,50
5	1.235,5	1.738,5	1,13	+0,50
6	4.043,0	6.003,1	1,49	+0,38
7	1.540,0	2.080,8	1,24	+0,20
8	1.991,5	1.375,9	0,76	+0,00
9	2.143,0	1.248,1	0,53	- 1,00
10	3.479,0	8.688,8	2,44	- 2,00
Tổng	**24.741,5**	**35.068**	-	-

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

Bảng 1.3. Quy mô các hạng mục công trình dự án

TT	Hạng mục công trình	Quy mô (m^2)	Ghi chú
1	Khu vực nạo vét (10 khu vực)	24.741,5	
2	Bãi tập kết	10.000	
3	Lán trại tạm	50 m^2	Nằm trong phạm vi bãi tập kết

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

(1) Bãi tập kết:

Dự án sẽ bố trí 01 bãi tập kết nằm ở bờ tả sông Vĩnh Phước có diện tích 10.000 m^2, tại khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà (thuộc tờ bản đồ số 51, thửa đất số 13 và tờ bản đồ số 59, thửa đất số 06 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Phạm Sương ngày 30/7/2021).

Vật liệu của Dự án là sản phẩm sau nạo vét như cát, sỏi..., do đó khối lượng sản phẩm sau nạo vét sẽ được bốc xúc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển (ghe thuyền hoặc ô tô) đưa về bãi tập kết và sau đó vận chuyển bằng ô tô đến công trình.

(2) Khu lán trại:

- Khu vực lán trại diện tích khoảng 50 m^2 được bố trí trong phạm vi khu vực bãi tập kết.

- Với đặc thù của Dự án là nạo vét bãi bồi sông Vĩnh Phước nên quá trình thực hiện Dự án không cần đầu tư xây dựng kho bãi phục vụ thi công mà chỉ bố trí lán trại, lợp bằng mi tôn và có cổng khóa ngoài để công nhân nghỉ trưa và lưu giữ một số thiết bị.

(3) Tuyến đường vận chuyển sản phẩm sau nạo vét:

Dự án sẽ sử dụng 02 phương án để vận chuyển sản phẩm sau khi nạo vét, cụ thể:

- Phương án chính: Giao thông trong khu vực là đường thủy. Thiết bị máy móc tập kết tới khu vực nạo vét thông qua đường thủy trên sông Vĩnh Phước, sản phẩm sau nạo vét được vận chuyển bằng thuyền về bãi tập kết ở bờ tả (phía Bắc sông Vĩnh Phước). Từ đây, vận chuyển bằng đường bộ đến nơi tiêu thụ sản phẩm.

Tuyến đường vận chuyển: Khu vực nạo vét → đường thủy sông Vĩnh Phước (sử dụng ghe thuyền) → khu vực bãi tập kết → đường khai thác tràm (đường đất) → đường Điện Biên Phủ → các khu vực san lấp công trình.

- Phương án kết hợp: Sử dụng ô tô 7 tấn vận chuyển trên các tuyến đường khai thác tràm nội vùng hiện có để khai đào trực tiếp lên ô tô vận chuyển ra các tuyến đường chính (Tuyến đường Khe Lấp – đường Điện Biên Phủ (tuyến Quốc lộ 9 tránh phía Nam thành phố Đông Hà)) để đưa đi san lấp hoặc về bãi tập kết.

Tuyến đường vận chuyển: Khu vực nạo vét → đường khai thác tràm khu vực (đường đất) → tuyến đường Khe Lấp → đường Điện Biên Phủ → các khu vực san lấp công trình/Khu vực bãi tập kết của Dự án.

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng công trình vệ sinh di động với thể tích 2 m^3 để phục vụ nhu cầu của công nhân tại khu lán trại.

- Nước thải tại khu vực bãi tập kết: Sắp xếp các bao tải chứa cát mịn xung quanh khu vực bãi tập kết tạm, các bao tải chồng lên nhau thành nhiều ngăn, đáy của các ngăn này sẽ được thiết kế có hướng nghiêng ra phía bờ sông. Phía bên ngoài lớp bao tải này sẽ bố trí hệ thống rãnh thu gom nước theo chiều ngang của bãi tập kết, rãnh có kết cấu bằng đất, cát kích thước DxRxC = (150×0,3×0,5)m. Qua đó, sau khi hỗn hợp nước cát được máy bơm bơm vào các hộc chứa thì nước sẽ tự động ngấm qua lớp cát sỏi, tiếp đến là lớp bao tải có kích thước DxRxC = (50×0,4×1)m và và được thu vào rãnh thu gom sau đó đấu nối vào hệ thống bể lắng 02 ngăn kích thước (6×4,3×2,5)m trước khi đổ ra sông Vĩnh Phước.

- Thoát nước mưa: Phạm vi khai đào chỉ có nước mặt khi trời mưa. Công tác thi công thực hiện vào mùa khô khi mực nước lòng sông đã hạ thấp, và trong những ngày nắng nên không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Bề mặt kết thúc khai đào nghiêng từ phía bờ ra giữa sông nên thoát nước theo phương pháp tự nhiên.

b. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của công nhân: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có thể tích khoảng 2 m^3 bố trí tại lán trại khu vực bãi tập kết.

c. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Phun ẩm trong những ngày nắng nóng với tần suất tưới tối thiểu 05 lần/ngày trên tuyến đường vận chuyển và các đoạn qua khu dân cư trên tuyến vận chuyển.

- Bố trí công nhân quét dọn đất rơi vãi trên đường vận chuyển đặc biệt là ở khu vực đi qua khu dân cư để hạn chế bụi và mỹ quan.

- Công tác giảm bụi phát sinh do hoạt động khai thác và vận chuyển: Công ty sử dụng một xe bồn phun nước (5m^3) định kỳ mỗi ngày 2-5 lần dọc tuyến đường vận chuyển.

d. CTR sinh hoạt và CTNH

- Lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: CTR thông thường sẽ được thu gom, phân loại rác tại nguồn và chứa vào 03 thùng đựng rác 60L tại khu vực lán trại công nhân. Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Lưu giữ CTNH: Trang bị 01 thùng rác loại 60L để thu gom và lưu trữ CTNH phát sinh, đặt trong khu lán trại và định kỳ 1 năm/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

đ. Các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ lòng bờ, bãi sông, bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông và phòng, chống sạt lở bờ sông

- Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 23/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trước khi tiến hành nạo vét, phải khoanh vùng ranh giới phạm vi khu vực, đảm bảo trong quá trình nạo vét không làm biến đổi dòng chảy, không gây sạt lở bờ sông, không ảnh hưởng tới các công trình trong phạm vi, lân cận khu vực Dự án.

- Trường hợp đang thực hiện việc nạo vét mà có hiện tượng sạt, lở tại khu vực, Chủ dự án phải dừng ngay việc nạo vét, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương.

- Không tiến hành nạo vét sát mép bờ sông, không phá vỡ hệ sinh thái cây cối thảm thực vật nguyên sinh đã có khu vực bờ sông nhằm giữ chân bờ sông và hạn chế

được hiện tượng xói lở. Không nạo vét tập trung vào một điểm nhằm tránh trường hợp tạo ra các vực, các hố sâu gây ra sạt lở cục bộ, dưới tác dụng của dòng chảy có thể kéo theo sạt lở trên diện rộng.

- Trong thời gian nạo vét, nếu phát hiện ra những nơi xung yếu có nguy cơ sạt lở trong khu vực, Chủ dự án sẽ kịp thời gia cố các khu vực này bằng cách gia cố thêm đất đá nhằm tránh sự cố xảy ra.

- Nạo vét dọc theo hướng dòng chảy của sông để tránh sự thay đổi dòng chảy.

- Thường xuyên giám sát tình trạng sạt lỡ dọc tuyến khu vực nạo vét để phát hiện và ứng phó kịp thời.

e. Phương án cải tạo phục hồi môi trường:

Bảng 1.4. Tổng hợp các công trình CTPHMT, khối lượng công việc thực hiện trong quá trình CTPHMT

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	Trồng cây keo	m^2	10.000	Sau khi kết thúc nạo vét	Sau khi kết thúc nạo vét 03 tháng
2	Tháo dỡ các hạng mục công trình	m^2	60		
3	Đặt các biển cảnh báo nguy hiểm tại tại khu vực nạo vét và bãi tập kết	cái	12	Trước khi nạo vét	Trước khi nạo vét

+ Tổng số tiền ký quỹ: **69.489.017** đồng.

+ Phương thức ký quỹ: Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn dưới 10 năm: mức ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ. Số tiền ký quỹ hàng năm như sau:

TT	Năm	Tỷ lệ	Số tiền ký quỹ
1	Năm thứ 1	25,00%	17.372.254
2	Năm thứ 2	37,50%	26.058.382
3	Năm thứ 3	37,50%	26.058.382
	Tổng cộng		**69.489.017**

Sau khi kết thúc khai thác và thực hiện đầy đủ công tác CTPHMT, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, Công ty sẽ được nhận lại số tiền này theo quy định.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị.

1.4.4. Các hoạt động của Dự án

Các hoạt động của Dự án bao gồm 03 giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Vận chuyển máy móc, thiết bị đến khu vực Dự án phục vụ cho công tác nạo vét.

- Trong giai đoạn vận hành: Nạo vét sử dụng máy đào, ô tô và thuyền (ghe) vận chuyển tập kết tại bãi tập kết và vận chuyển vận liệu đi tiêu thụ.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: Trồng cây keo lai tại khu vực bãi tập kết và lán trại.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường như: nằm trong khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

Vị trí Dự án nằm trên sông Vĩnh Phước phía thượng nguồn của Trạm bơm cấp nước Nhà máy Tân Lương (cấp nước cho thành phố Đông Hà), trong đó:

Vị trí khu vực nạo vét và bãi tập kết của Dự án cách Trạm cấp nước sinh hoạt thành phố Đông Hà lần lượt khoảng 3,8km và 1,7km về phía thượng lưu, đảm bảo khoảng cách >800m về phía thượng lưu và >200m về phía hạ lưu tính từ vị trí nạo vét theo quy định tại Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị việc phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt các công trình đã cấp phép khai thác, sử dụng nước phục vụ mục đích sử dụng cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

(Chi tiết tại bảng 5.1)

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

(Chi tiết tại bảng 5.1)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

(Chi tiết tại bảng 5.1)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Việc quản lý giám sát môi trường sẽ được thực hiện do một cơ quan tư vấn giám sát môi trường thực hiện, kết quả được cung cấp liên tục cho Chủ dự án nhằm báo cáo thường xuyên tới các cấp cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và thông báo với người dân về chất lượng môi trường khu vực Dự án suốt quá trình thi công và vận hành. Nếu kết quả giám sát chỉ ra bất kỳ sự không thích hợp nào trong các giải pháp giảm nhẹ tác động đến môi trường thì Chủ dự án sẽ xem xét lại các giải pháp đã lựa chọn có thể đưa ra các giải pháp sửa đổi bổ sung.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

* *Giám sát môi trường không khí:*

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, độ ồn, độ bụi, CO, NO_2, SO_2.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí;

+ 01 vị trí tại khu vực bờ sông đoạn qua khu vực đang nạo vét;

+ 01 điểm tại bãi tập kết của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, tập trung trong giai đoạn triển khai nạo vét Dự án.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

** Giám sát môi trường nước mặt, trầm tích:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại sông Vĩnh Phước, cách khu vực đang nạo vét khoảng 50m về phía hạ lưu.

+ 01 vị trí tại sông Vĩnh Phước, cách bãi tập kết khoảng 50m về phía hạ lưu.

- Thông số giám sát:

+ Đối với nước mặt: pH, DO, TSS, COD, BOD_5, TOC, Tổng N, Tổng P, Coliform, tổng dầu mỡ.

+ Đối với trầm tích: Cd, Zn, Cu, Pb, As, Hg, Cr.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần, tập trung trong giai đoạn triển khai nạo vét Dự án.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT (mức A); QCVN 43:2012/BTNMT.

** Giám sát CTR, CTNH:*

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại khu vực chứa CTR của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, tập trung trong giai đoạn triển khai nạo vét Dự án.

** Giám sát an toàn lao động:*

- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; Giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động; Giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình nạo vét.

** Giám sát sạt lở:*

- Vị trí giám sát: Dọc hai bên bờ sông khu vực nạo vét.

- Phương pháp giám sát: Đóng cọc định vị mép bờ sông để theo dõi mức độ sạt lở do dòng chảy gây ra. Theo dõi, đo vẽ định kỳ 01 năm/lần đối với thay đổi bề ngang bờ sông.

- Tần suất giám sát: cắm cọc hiện trạng trước khi bắt đầu nạo vét, theo dõi thường xuyên trong quá trình nạo vét.

5.3. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp 2017.

- Tuân thủ Luật BVMT, các Nghị định, Thông tư, các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và quy chuẩn kỹ thuật về BVMT và các văn bản khác có liên quan.

+ Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT; quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).

+ Quản lý và kiểm soát nước mặt trong các giai đoạn của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 08:023/BTNMT; quản lý và xử lý nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 40:2011/BTNMT.

+ Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTR, quản lý CTNH.

+ Tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường.

+ Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và theo quy định của pháp luật.

- Nếu tuyến đường khu vực bị hư hỏng do quá trình vận chuyển, Chủ dự án phải kịp thời khắc phục, sửa chữa đảm bảo cho quá trình đi lại của người dân.

Tổng hợp chương trình quản lý môi trường được trình bày ở bảng sau:

Bảng 5.1. Tổng hợp chương trình quản lý môi trường

TT	Các hoạt động của dự án/ Nguồn phát sinh	Tính chất	Quy mô (lưu lượng tối đa, khối lượng)	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	**Giai đoạn vận hành**				
1	Quá trình nạo vét, bốc xúc, vận chuyển tập kết	- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện. - Bụi từ quá trình nạo vét, bốc xúc - Tiếng ồn, độ rung.	- Tải lượng bụi: 9.741 g/ngày tương đương 0,34 g/s	- Phun nước thường xuyên dọc tuyến đường vận chuyển với tổng chiều dài 6,3km với tần suất tối thiểu 05 lần/ngày và tăng lên khi cần, trong đó: + Tuyến 1: Đoạn từ Bãi tập kết đến vị trí giao nhau giữa đường Điện Biên Phủ với đường vào khu vực Dự án với chiều dài 1,6km. + Tuyến 2: Đoạn từ khu vực nạo vét số 8 đến vị trí giao nhau giữa đường Điện Biên Phủ với đường vào khu vực Dự án với chiều dài 4,7km. - Phun nước khu vực bãi tập kết tối thiểu 5 lần/ngày. - Các phương tiện vận chuyển có bạt che phủ và không chở quá tải. - Bố trí biển báo chỉ dẫn và cán bộ các chốt điều tiết, phân luồng xe ra vào công trường.	Trong quá trình hoạt động
		Nước mưa chảy tràn	- Khu vực bãi tập kết: 1.319,2 m^3/ngày	- Khu vực bãi tập kết: + Xung quanh bãi tập kết bố trí lớp bao tải cát chồng lên nhau tạo tường bao cao 1m để lọc nước. + Tạo rãnh thu gom quanh bãi tập kết, với kết cấu kênh đất.	

		CTR sản xuất	2.620 m^3	+ Đối với rễ cây, tạp chất bùn hữu cơ với khối lượng 317m^3 sẽ được thu gom và định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà vận chuyển đi xử lý. + Đối với khối lượng còn lại là cát pha bụi, sạn sỏi có khả năng tận dụng cao, sẽ được lưu giữ và tận dụng để san lấp tại khu vực Bãi tập kết của Dự án.	Trong quá trình hoạt động
		Tiếng ồn	-	- Bố trí thời gian hoạt động từ 7h đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h để tránh thời gian nghỉ ngơi của người dân. - Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.	
2	Sinh hoạt công nhân	Nước thải sinh hoạt	1,3 m^3/ngày	- Bố trí nhà vệ sinh di động có thể tích bể tự hoại 2m^3 để thuận tiện cho sinh hoạt của CBCNV. - Đình kỳ thuê đơn vị hút và đưa đi xử lý.	
		CTR sinh hoạt	6,5 kg/ngày	- Thực hiện thu gom và phân loại rác - Bố trí 03 thùng loại 60L tại khu vực lán trại. - Bố trí 01 thùng rác loại 30L được cố định với thân tàu, thời gian vận chuyển CTR lên bờ là 01 ngày/lần - Định kỳ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà định kỳ 2 lần/tuần vận chuyển đi xử lý.	
		CTNH	5 kg/tháng	- Bố trí 01 Thùng đựng CTNH loại 60L và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.	

3	Sự cố môi trường	Tai nạn lao động, tai nạn giao thông	-	- Lắp đặt biển báo, cảnh báo khu vực đang nạo vét tại các vị trí nạo vét, khu vực CTPHMT (12 biển báo). - Tổ chức tập huấn an toàn lao động. - Trang bị đầy đủ tất cả các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như áo quần, nút tai chống ồn, găng tay, mũ, giày,... - Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.	Trong quá trình hoạt động
		Sạt lở bờ sông	-	- Thực hiện thi công nạo vét theo đúng kế hoạch vào mùa khô và những ngày nắng (180 ngày/năm) và thực hiện san gạt, cải tạo mặt bằng khi mực nước trên sông giảm xuống - Định kỳ kiểm tra hiện trạng sạt lỡ dọc sông dọc bờ sông tại khu vực nạo vét - Ngừng hoạt động nạo vét khi có mưa lớn kéo dài nhiều ngày. - Kết hợp cải tạo dòng sông trong quá trình nạo vét.	
		Sự cố cháy nổ	-	- Phương tiện vận chuyển đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy do Công an quy định. - Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ và ứng phó khi xảy ra sự cố. - Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy; có biển báo nguy hiểm. - Thành lập đội PCCC, mua trang thiết bị, xây dựng nội quy, quy định phù hợp.	

		Sự cố tràn dầu	-	- Trang bị đầy đủ các phương tiện, sẵn sàng ứng phó với sự cố tràn dầu như: hao quây, phao thấm, đường ống thu dầu, giẻ lau,... - Huy động mọi nguồn lực tự ứng phó, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường. Chủ động ngăn chặn nguồn dầu tràn để hạn chế dầu tràn ra môi trường.	Trong quá trình hoạt động
		Sự cố mưa lũ	-	- Thường xuyên theo dõi hiện tượng diễn biến về thời tiết trên các phương tiện thông tin. - Di chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi khu vực nạo vét trước khi xảy ra mưa lũ, gió bão.	
II	**Cải tạo phục hồi môi trường**				
1	Cải tạo, phục hồi môi trường	Trồng cây	Trồng cây tại khu vực bãi tập kết với diện tích 10.000 m^2	- Phương án cải tạo phục hồi môi trường là trồng cây keo trên phạm vi bãi tập kết với diện tích 10.000 m^2. - Tổng số tiền ký quỹ: 69.489.017 đồng - Số tiền Chủ dự án phải ký quỹ lần đầu là: 69.489.017 × 25% =17.372.254 đồng - Số tiền ký quỹ còn lại những lần sau (2 năm còn lại): (69.489.017 đồng - 17.372.254 đồng)/2 năm = 26.058.382 đồng/năm	Cải tạo phục hồi môi trường theo từng năm, bắt đầu từ năm thứ 2 đến năm thứ 3
		Lắp đặt biển báo	12 biển báo	- Lắp đặt 12 biển báo, cảnh báo tại các khu vực như: khu vực nạo vét, khu vực CTPHMT. - Vị trí lắp đặt biển báo phải đảm bảo tầm nhìn và không bị che khuất. Đối với vị trí nạo vét các điểm đặt biển báo bao gồm: khu vực nạo vét, khoanh vùng phạm vi của Dự án, bãi tập kết nhằm đảm bảo an toàn lao động cho người dân	